

Số: ²⁷⁷⁷/SNN-VP

Bình Phước, ngày 11 tháng 12 năm 2013

V/v ban hành Quyết định Bộ tiêu chí cung cấp thông tin trang Website Sở NN & PTNT của các phòng, ban, đơn vị trực thuộc

Kính gửi: Các phòng, ban, đơn vị trực thuộc thuộc Sở

Sau khi Thường trực Ban Biên tập Website Sở NN & PTNT ban hành công văn góp ý Dự thảo Quyết định Ban hành Bộ tiêu chí đánh giá cung cấp thông tin trang Website Sở NN & PTNT của các phòng, ban, đơn vị trực thuộc, Thường trực BBT nhận được 01 văn bản đóng góp ý kiến của Chi cục Chăn nuôi-Thú y rất chi tiết, cụ thể về chỉnh sửa một số nội dung trong Bộ tiêu chí của dự thảo.

Các Phòng, Ban, đơn vị còn lại không có văn bản góp ý sau ngày 6/12/2013 coi như đồng ý với nội dung dự thảo Quyết định.

Sau khi nghiên cứu, tổng hợp, chỉnh sửa theo góp ý của các Phòng, Ban, đơn vị trực thuộc, Trưởng Ban Ban Biên tập thông báo Ban hành Quyết định Ban hành Bộ tiêu chí đánh giá cung cấp thông tin trang Website Sở NN & PTNT của các phòng, ban, đơn vị trực thuộc (Có Quyết định kèm theo).

Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, Giám đốc Sở Nông nghiệp & PTNT yêu cầu các Phòng, Ban, đơn vị trực thuộc tự đánh giá, chấm điểm việc cung cấp thông tin cho Website Sở NN & PTNT năm 2013 theo Bộ tiêu chí ban hành.


Đồng thời, đề nghị các Phòng, Ban, đơn vị trực thuộc Sở gửi báo cáo về việc cung cấp thông tin cho Website Sở NN & PTNT năm 2013 (tính từ 3/6-15/12/2013).

Bảng chấm điểm và báo cáo năm của Phòng, Ban, đơn vị trực thuộc gửi về Thường trực Ban Biên tập bằng bản có dấu và file theo hộp thư điện tử trước ngày 20/12/2013./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, BBT (Nhưng). *at*

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Tới

Số: *13*/QĐ-BBT

Bình Phước, ngày *9* tháng *11* năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Bộ Tiêu chí đánh giá cung cấp thông tin trang Website Sở Nông nghiệp & PTNT Bình Phước của các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Sở

TRƯỞNG BAN BIÊN TẬP WEBSITE SỞ NN & PTNT

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin năm 2006:

Căn cứ nghị định 64/2007/NĐ-Cp ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan Nhà nước; Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ trực tuyến công trên Trang Thông tin điện tử hoặc Cổng thông tin điện tử của cơ quan Nhà nước; Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin liên lạc;

Căn cứ Thông tư số 26/2009/TT-BTTTT ngày 31/7/2009 của Bộ Thông Tin và Truyền thông quy định về việc cung cấp thông tin và đảm bảo khả năng truy cập thuận tiện đối với Trang thông tin điện tử của cơ quan Nhà nước:

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của Sở Nông nghiệp & PTNT;

Xét đề nghị của Bộ phận thường trực Ban Biên tập Website Sở.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ tiêu chí đánh giá cung cấp thông tin trang Website Sở NN & PTNT Bình Phước của các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Sở.

Điều 2. Bộ phận thường trực Ban Biên tập Website Sở Nông nghiệp & PTNT Bình Phước có trách nhiệm tham mưu xây dựng các cơ chế có liên quan và hướng dẫn thực hiện, đảm bảo việc triển khai, thực hiện Bộ tiêu chí đánh giá cung cấp thông tin trang Website Ngành NN & PTNT của các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Sở đạt hiệu quả thiết thực.

Điều 3. Bộ phận Thường trực Ban Biên tập, các thành viên trong Ban Biên tập và thủ trưởng các Phòng, ban, đơn vị trực thuộc thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Thành viên BBT Website;
- Các phòng, ban;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, TTBBT (Nhưng).

GIÁM ĐỐC SỞ TRƯỞNG BAN BIÊN TẬP



Nguyễn Văn Tới



BỘ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CUNG CẤP THÔNG TIN TRANG WEBSITE NGÀNH NÔNG NGHIỆP & PTNT CỦA CÁC PHÒNG, BAN, ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC SỞ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 13/QĐ-BBT ngày 9/12/2013 của Ban Biên tập Website Sở NN & PTNT Bình Phước)

Tên Phòng, ban, đơn vị trực thuộc:

Họ và tên người cung cấp thông tin:

Chức vụ:

Bộ phận công tác:

Điện thoại:

Di động:

Địa chỉ e-mail:

STT	Nội dung	Điểm		
		Tối đa	Tự chấm	BBT chấm
1	Sự đầu tư cung cấp thông tin cho trang Website	14		
1	Phòng, ban, đơn vị gửi kế hoạch năm về việc cung cấp thông tin cho trang Website ngành NN & PTNT đúng thời hạn quy định	5		
2	Có quyết định thành lập tin và ban hành quy chế hoạt động của Ban thông tin cung cấp thông tin cho Trang thông tin điện tử (nếu có gửi văn bản kèm theo)	3		
3	Có phân công nhiệm vụ cán bộ chuyên trách (tổ chuyên trách) phụ trách biên tập thông tin nội dung các tin, bài trước khi gửi thường trực BBT (nếu có gửi văn bản kèm theo)	2		
4	Quy trình cung cấp thông tin:	4		
4.1	Lãnh đạo phòng, ban, thủ trưởng các đơn vị duyệt trước khi gửi cho Thường trực BBT	1		
4.2	Nêu rõ nguồn tin	1		

[Handwritten signature]

4.3	<i>Nêu rõ tác giả</i>	2		
II	Thông tin Giới thiệu-Tổ chức	6		
5	Thông tin giới thiệu-tổ chức của các đơn vị trực thuộc: cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị trực thuộc, tóm lược quá trình hình thành và phát triển của cơ quan	1		
6	Thông tin về lãnh đạo trong đơn vị (<i>họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử chính thức, nhiệm vụ đảm nhiệm của lãnh đạo trong đơn vị</i>).	1		
7	Thông tin giao dịch chính thức của đơn vị (<i>bao gồm địa chỉ, điện thoại, số fax, địa chỉ thư điện tử chính thức để giao dịch và tiếp nhận các thông tin</i>).	1		
8	Danh mục địa chỉ thư điện tử chính thức của cán bộ, công chức có thẩm quyền (<i>họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử chính thức</i>).	1		
9	Thông tin giới thiệu-tổ chức về đơn vị, thông tin chỉ đạo, điều hành được cung cấp thường xuyên khi có thay đổi, điều chỉnh	2		
III	Thông tin các văn bản QLPL, văn bản hành chính, thủ tục hành chính	13		
10	Cung cấp các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành và văn bản hành chính có liên quan (<i>hình thức văn bản, thẩm quyền ban hành, số ký hiệu, ngày ban hành, ngày hiệu lực, trích yếu</i>)	3		
11	Cung cấp văn bản pháp luật QLNN thuộc lĩnh vực chuyên ngành thời gian không quá 10 ngày kể từ ngày văn bản được ban hành	1		
12	Thông tin tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thực hiện pháp luật, chế độ, chính sách, chiến lược, quy hoạch chuyên ngành	2		

John

13	Thông tin tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thực hiện pháp luật, chế độ, chính sách của đơn vị được cung cấp không quá 15 ngày làm việc sau khi chính thức văn bản được ban hành.	1		
14	Thông tin về thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến	4		
15	Thông tin sửa đổi Thủ tục hành chính của đơn vị	2		
IV	Thông tin mô hình, chương trình dự án, đề tài khoa học	12		
16	Thông tin báo cáo mô hình, chương trình dự án, đề tài khoa học được phê duyệt hoặc sau khi được nghiệm thu, kết quả thực hiện chương trình đề tài	5		
17	Thông tin hạng mục đầu tư, đấu thầu, mua sắm công	2		
18	Thông tin về chiến lược, định hướng và quy hoạch ngành sau khi được phê duyệt	3		
19	Thời gian cung cấp thông tin về mô hình, chương trình dự án, đề tài khoa học không quá 20 ngày làm việc kể từ khi mô hình, chương trình dự án, đề tài được phê duyệt hoặc sau khi được tổng kết, nghiệm thu	1		
20	Thông tin về chiến lược, định hướng và quy hoạch ngành, thông tin về hạng mục đầu tư đấu thầu mua sắm công được cung cấp sau 10 ngày làm việc sau khi được phê duyệt	1		
V	Thông tin trả lời ý kiến độc giả	4		
21	Thông tin trả lời ý kiến của độc giả khi Ban Biên tập có công văn yêu cầu	3		
	Thời gian trả lời câu hỏi cho Ban Biên tập khi có bạn đọc hỏi đúng thời hạn quy định	1		
VI	Thông tin quản lý, chỉ đạo, điều hành, báo cáo của đơn vị	17		
22	Thông tin quản lý, chỉ đạo, điều hành	2		

23	Cung cấp thông tin báo cáo tình hình hoạt động của phòng, ban, đơn vị trực thuộc hàng tháng, quý, năm	2		
24	Thời gian cung cấp thông tin báo cáo tình hình hoạt động theo tháng, quý, năm của phòng, ban, đơn vị trực thuộc không quá 5 ngày kể từ khi thông tin được thủ trưởng phòng, ban, đơn vị quyết định công bố.	1		
25	Thông tin về Lịch làm việc hàng tuần của đơn vị	4		
26	Thời gian cung cấp thông tin về Lịch làm việc kịp thời, muộn nhất lúc 16 giờ ngày thứ 2 hàng tuần	1		
27	Thông tin về thông báo cuộc họp giao ban hàng tháng của đơn vị	1		
28	Thông tin về tình hình dịch hại, dự báo thiên tai, thời tiết, lũ lụt (hàng tuần hoặc tháng)	2		
29	Thông tin về chỉ đạo, hướng dẫn sản xuất (hàng tháng, mùa, đợt xuất)	2		
30	Thông tin về Giá Nông sản	2		
VII	Đánh giá chất lượng cung cấp thông tin	34		
31	Cung cấp đầy đủ thông tin theo kế hoạch số 04/KH-BBT ngày 6/6/2013 của Ban Biên tập	12		
32	Tin tức, sự kiện: cung cấp kịp thời ngay khi diễn ra hoạt động sự kiện (không quá 03 ngày)	3		
33	Báo cáo theo yêu cầu của Ban Biên tập về việc cung cấp thông tin cho trang Website đúng thời hạn quy định	4		
34	Số lượng Tin, bài viết (dưới dạng báo chí) của phòng, ban, đơn vị được đăng tải trên Website Ngành NN & PTNT	10		
	Trên 10: 10 điểm			
	Từ 5-10: 7 điểm			
	Dưới 5 : 4 điểm			

Handwritten signature

	Không có: 0 điểm		
35	Cung cấp đầy đủ thông tin ở các mục trên, hoặc cung cấp bổ sung, đầy đủ thông tin theo chỉ đạo của Trưởng Ban BBT tại các thông báo sau cuộc họp BBT	5	
Tổng điểm:		100	

Xếp loại theo thang điểm:

- “Tốt” : Đạt từ 80 điểm đến 100 điểm
- “Khá” : Đạt từ 65 điểm đến 79 điểm
- “Trung bình” : Đạt từ 50 điểm đến 64 điểm
- “Chưa đạt” : Dưới 50 điểm

Người khai

Bình Phước, ngày tháng năm 2013

Lãnh đạo phòng, ban, đ.vị

